

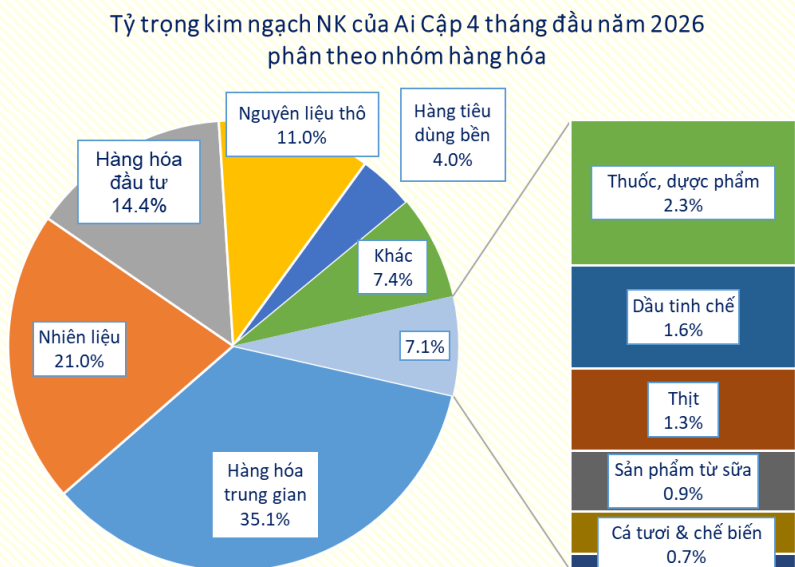
TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA AI CẬP

Theo thông báo của Ngân hàng Trung ương Ai Cập (CBE), dự trữ ngoại hối quốc gia (NIRs) của Ai Cập tính đến cuối tháng 6/2026 tiếp tục tăng lên mức cao kỷ lục 55,1 tỷ USD, trong khi lạm phát toàn phần (y/y) giảm còn 14,3%, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của dòng vốn ngoại tệ cùng tính hiệu quả từ các chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ.

Đồng bảng Ai Cập đã thoát khỏi chuỗi biến động mạnh nhờ thanh khoản ngoại tệ từ xuất khẩu và kiều hối gia tăng, hiện giao dịch ổn định quanh mức 51,3 EGP/USD trong ngày 26/7. Cuối tháng 6/2026, Ai Cập đã đạt được thỏa thuận cấp chuyên viên với IMF để giải ngân 1,6 tỷ USD (thuộc chương trình mở rộng) trong khi Ủy ban Châu Âu (EC) ngày 24/7 đã phê duyệt giải ngân 1,5 tỷ EUR đợt hai gói Hỗ trợ tài chính vĩ mô (MFA) dành cho Ai Cập nhằm giảm bớt áp lực ngân sách do căng thẳng địa chính trị khu vực. Các nguồn lực tài chính kịp thời này sẽ giúp chính phủ Ai Cập tiếp tục triển khai các dự án hạ tầng chiến lược, trọng tâm là chuyển đổi năng lượng xanh và mở rộng các trung tâm logistics thúc đẩy liên kết chuỗi cung ứng ven biển.

Mặc dù vậy, Ai Cập vẫn đối mặt với áp lực lạm phát cao trong khi chi phí năng lượng, nhà ở và dịch vụ công tiếp tục tăng mạnh, có thể làm chậm tốc độ giảm lạm phát trong nửa cuối năm 2026. Ngoài ra, xung đột leo thang tại Trung Đông và bất ổn an ninh hàng hải Biển Đỏ tiếp tục đe dọa chuỗi cung ứng, đồng thời làm sụt giảm nguồn thu từ kênh đào Suez.

Về thương mại, theo số liệu của Cơ quan Thống kê và Huy động công trung ương (CAPMAS), tổng kim ngạch XNK 4 tháng đầu năm 2026 của Ai Cập đạt 57,4 tỷ USD, tăng 14,1% so với 4 tháng đầu năm 2025, trong đó xuất khẩu đạt 18,5 tỷ USD (tăng 2%), nhập khẩu 38,9 tỷ USD (tăng 21%) và thâm hụt thương mại 20,4 tỷ USD (tăng 45,5%).



CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH XNK MỚI

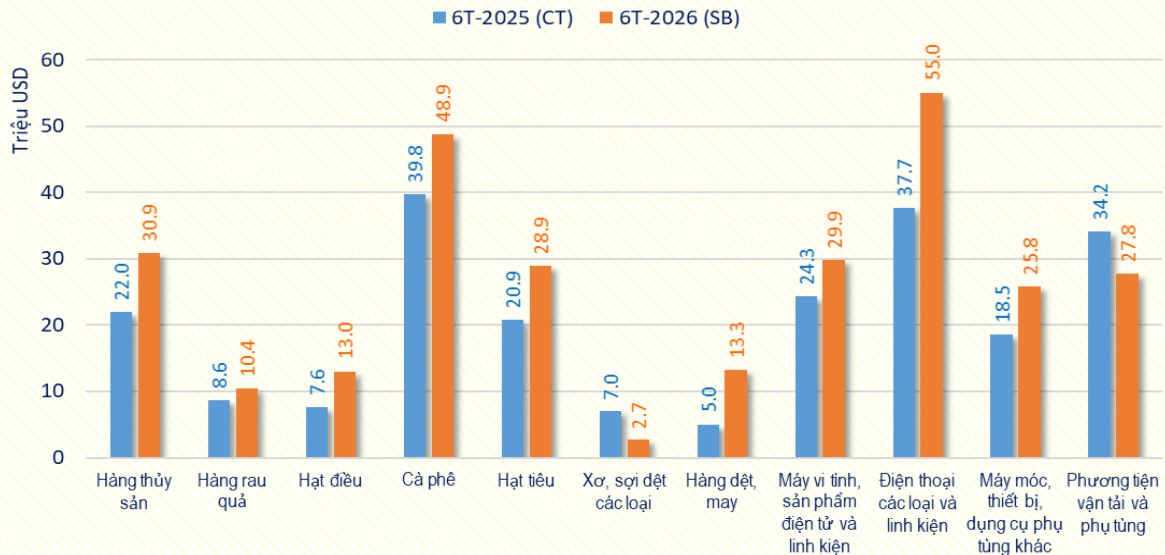
Ngày 3/6/2026, Hải quan Ai Cập đã ban hành Thủ tục số 9/2026 hướng dẫn thi hành Nghị định số 262/2026 ngày 24/5/2026 của Bộ Tài chính Ai Cập về sửa đổi Điều 232 trong Luật Hải quan số 207 năm 2020. Quy định này nói lỏng cơ chế kiểm soát chứng từ nhập khẩu trực tuyến nhằm loại bỏ sự trùng lặp của các tài liệu điện tử. Một số cải tiến chính như sau: (i) Nhà nhập khẩu được phép mở tờ khai hải quan mà chưa cần cung cấp Lệnh giao hàng (Delivery Order) và chỉ phải nộp trước khi thông quan lần cuối; (ii) Doanh nghiệp được sử dụng Hóa đơn thương mại có mô tả chi tiết hàng hóa để thay thế cho Phiếu đóng gói (Packing List) riêng, giúp giảm bớt đầu mục hồ sơ hải quan.

Ngày 30/6/2026, Cục Vận tải hàng hải và logistics, Bộ Giao thông Ai Cập đã thống nhất với các Phòng Vận tải biển và Hiệp hội đại lý tàu biển về thời hạn triển khai áp dụng Hệ thống xuất khẩu nâng cao (Enhanced Export System) nhằm tự động hóa và kiểm soát chuỗi cung ứng xuất khẩu. Theo đó, kể từ ngày 18/7/2026, tất cả các lô hàng xuất khẩu từ các cảng của Ai Cập (không có ngoại lệ) bắt buộc phải đăng ký và cung cấp mã Định danh tham chiếu lô hàng duy nhất (UCR – Unique Consignment Reference, gồm 19 chữ số) trên hệ thống trực tuyến Nafeza của Hải quan Ai Cập.

XUẤT KHẨU VIỆT NAM-AI CẬP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Theo số liệu sơ bộ của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2026 của Việt Nam sang Ai Cập đạt 332 triệu USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2025. Nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, tiêu biểu là: hàng dệt may (tăng 167%), hạt điều (tăng 71%), điện thoại các loại và linh kiện (tăng 46%), thủy sản (tăng 40%), hạt tiêu (tăng 39%), cà phê (tăng 23%) và rau quả (tăng 21%). Ở chiều ngược lại, các nhóm hàng có kim ngạch giảm gồm: xơ, sợi dệt các loại (giảm 62%) và phương tiện vận tải cùng phụ tùng (giảm 19%).

Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2026 sang Ai Cập



Tỷ trọng nhập khẩu một số mặt hàng của Việt Nam vào Ai Cập trong 4 tháng đầu năm 2026

STT	Mặt hàng	KN NK (Triệu USD)	Tỷ trọng các nhà cung cấp chính tại Ai Cập (Tổng hợp từ số liệu của Hải quan Ai Cập)
1	Cà phê	135,8	Indonesia 43,4%, Việt Nam 14,8% , Braxin 8,8%.
2	Hồ tiêu	33,8	Braxin 51,1%, Việt Nam 36,5% .
3	Hạt điều	11,6	Việt Nam 49,5% , Brazil 45,2%.
4	Cơm dừa	10,9	Việt Nam 47,9% , Indonesia 32,9%, Sri Lanka 13,9%.
5	Phi lê cá	14,0	Việt Nam 94,9% , Na Uy 2,5%.
6	Cá ngừ đóng hộp	50,9	Thái Lan 79,3%, Việt Nam 12,9% , Trung Quốc 5,7%.
7	Cao su tự nhiên	23,7	Malaysia 39,2%, Bờ Biển Ngà 23,6%, Thái Lan 22,2%, Việt Nam 10,4% .
8	Lốp xe cao su	171,7	Trung Quốc 26,5%, Thái Lan 15,1%, Việt Nam 14,3% , Thổ Nhĩ Kỳ 12,4%.
9	Giày, dép	54,9	Trung Quốc 44,1%, Việt Nam 17,9% , Indonesia 11,2%, Italy 9,9%.
10	Sợi filament tái tạo	13,1	Indonesia 67,5%, Việt Nam 13,3% , Trung Quốc 10,1%.
11	Sợi từ xơ staple tổng hợp	42,8	Trung Quốc 44,3%, Ấn Độ 30,8%, Thổ Nhĩ Kỳ 10,7%, Indonesia 7,6%, Việt Nam 3,7% .
12	Điện thoại	531,9	Trung Quốc 75,4%, Việt Nam 8,3% , Mexico 1,7%.
13	Loa, tai nghe	22,5	Trung Quốc 68,2%, Việt Nam 11,9% .
14	Mô-đun màn hình	182,5	Trung Quốc 85,4%, Việt Nam 5,5% .
15	Máy biến điện	204,7	Trung Quốc 61,0%, Việt Nam 2,5% , Thụy Điển 0,4%.

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG AI CẬP THÁNG 7 NĂM 2026

BẢNG THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA AI CẬP ĐANG CÓ HIỆU LỰC

Ai Cập thường xuyên áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt áp thuế chống bán phá giá (CBPG) đối với hàng hóa nhập khẩu vào Ai Cập nhằm bảo vệ các ngành sản xuất trong nước. Bảng dưới đây tổng hợp các mặt hàng có xuất xứ hoặc xuất khẩu từ các quốc gia vào Ai Cập hiện phải chịu thuế CBPG theo quyết định của Bộ Đầu tư và Ngoại thương Ai Cập.

Mặt hàng / Mã HS	Quốc gia	Thuế CBPG	Ngày hiệu lực
Lốp xe chở khách và lốp xe xe tải HS: 4011200010	Trung Quốc	22% – 56%	09/02/2025
	Thái Lan	6% – 20%	
	Việt Nam	15,73% – 32%	31/03/2026
Thảm, vật liệu trải sàn được sản xuất bằng máy HS: 570242, 570320, 570330, 570390, 570500	Thổ Nhĩ Kỳ	21,17% – 33,27%	23/06/2021
Sodium Naphthalene Sulfonate HS: 382440	Trung Quốc	13,6% – 35,6%	28/01/2026
	Nga	24,9% – 36,4%	
Dây hàn HS: 831110	Trung Quốc	30% – 41%	04/10/2021
	Thổ Nhĩ Kỳ	14,8% – 37,4%	
Hợp kim sắt (Ferrosilicon) HS: 720221, 720229	Trung Quốc	20,14%	05/04/2021
	Ấn Độ	15%	
	Nga	10,5%	
Thép cốt thép dùng trong xây dựng HS: 7213, 7214, 7227, 7228	Trung Quốc	29%	01/06/2023
	Thổ Nhĩ Kỳ	7% – 22,8%	
	Ukraine	17,2% – 27%	
Diocetyl Orthophthalates (DOP) HS: 291732	Hàn Quốc	6,2% – 13,9%	29/11/2021
Phô mai Edam và Gouda HS: 040690	Hà Lan	7,8% – 19%	09/01/2022
UPVC HS: 392520	Thổ Nhĩ Kỳ	8% – 10%	21/12/2021
PVC HS: 390410	Hoa Kỳ	13%	09/02/2025
Pile weather strip HS: 540412, 540419, 540490	Trung Quốc	27%	09/02/2025
Cáp dự ứng lực (PC strands) HS: 730890	Trung Quốc	16,9% – 28%	07/04/2021
	Tunisia	10,9% – 18,1%	
	Thổ Nhĩ Kỳ	11,6% – 16%	